

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122017200102 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041107	36CCĐ4	Hu ầnh T n	An	12/10/1993							0.0	0.0	0.3	0.2	0.2	
2	3671040754	36CCĐ3	V H ầ X u ấ n	An	06/01/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
3	3671042011	36CCĐ3	Lê H ầ ầ	Anh	20/12/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	5.5	3.9	6.2	
4	3671040897	36CCĐ3	Ph m Tu n	Anh	25/08/1994				7.0	5.0	6.0	6.0	1.8	2.3	1.6	3.4	
5	3671041967	36CCĐ4	Tr n Qu c	B o	14/08/1994				5.0	3.0	4.0	4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
6	3671040718	36CCĐ3	ấ o ầ L p	Công	16/07/1993				6.0	4.0	7.0	5.7	1.7	0.3	0.2	1.9	
7	3671041109	36CCĐ4	Nguy n ầ ầ	Công	10/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
8	3671040732	36CCĐ3	Nguy n Duy	C ầ	27/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		
9	3671040911	36CCĐ3	Tr nh Trung	Chánh	29/07/1993							0.0	0.0	4.8	3.4	3.4	
10	3671040670	36CCĐ3	L 2 Tr nh Vi t	Chinh	15/04/1986							0.0	0.0	6.8	4.8	4.8	N HP
11	3671041178	36CCĐ4	Nguy n C ầ ầ	Danh	23/08/1993				5.0	4.0	3.0	4.0	1.2	0.5	0.4	1.6	
12	3671041123	36CCĐ4	Ph m Thanh	Danh	01/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		
13	3671040965	36CCĐ3	Nguy n X u ấ n	Di u	20/04/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
14	3671041140	36CCĐ4	Nguy n Kh ầ nh	Duy	13/04/1994				5.0	3.0	3.0	3.7	1.1	4.3	3.0	4.1	
15	3671040714	36CCĐ3	H o ầ ầ Vi t	D ầ ầ	07/11/1988				5.0	6.0	6.5	5.8	1.7	1.5	1.1	2.8	
16	3671041132	36CCĐ4	Tr n Quang	D ầ ầ	27/12/1993				6.0	4.0	4.0	4.7	1.4	1.0	0.7	2.1	
17	3671041263	36CCĐ4	Phan Anh	ầ o ầ	10/06/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	0.5	0.4	2.5	
18	3671041006	36CCĐ3	Nguy n T ầ	ầ ầ ầ	11/10/1994				5.0	7.0	6.0	6.0	1.8	1.8	1.3	3.1	N HP
19	3671041950	36CCĐ4	Lê Hoàng	ầ c	25/03/1994				6.0	4.0	4.0	4.7	1.4	3.3	2.3	3.7	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122017200102 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041496	36CCĐ4	H o ầ V ấ ấ c	13/06/1994				7.0	2.0	5.0	4.7	1.4	2.3	1.6	3.0	
21	3671041035	36CCĐ3	L ê Công ấ c	06/11/1994				6.0	2.0	4.0	4.0	1.2	2.8	2.0	3.2	
22	3671042044	36CCĐ3	T r n C ầ ng ấ c	04/04/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
23	3671040803	36CCĐ3	T r ầ g L u Tr ầ g Giang	07/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
24	3671041222	36CCĐ4	N guy n Ch ấ Gi ầ u	26/10/1994				8.0	8.0	5.0	7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
25	3671040901	36CCĐ3	N guy n T i n H i	28/03/1994				6.0	3.0	2.0	3.7	1.1	4.5	3.2	4.3	
26	3671040710	36CCĐ3	N guy n V ấ H i	18/03/1993				6.0	3.0	5.0	4.7	1.4	2.3	1.6	3.0	
27	3671041994	36CCĐ4	N guy n Ph ¾c H u	21/06/1994				6.0	4.0	4.0	4.7	1.4	4.3	3.0	4.4	
28	3671041141	36CCĐ4	N guy n V ấ H u	10/07/1994				5.0	5.0	4.0	4.7	1.4	0.0	0.0	1.4	
29	3671041197	36CCĐ4	ấ ầ g V ấ H i n	11/03/1994				6.0	2.0	3.0	3.7	1.1	0.5	0.4	1.5	
30	3671041173	36CCĐ4	N guy n Quang H i u	28/03/1994				7.0	6.0	4.0	5.7	1.7	1.8	1.3	3.0	
31	3671041475	36CCĐ4	N guy n Trung H i u	11/11/1994				5.0	3.0	2.0	3.3	1.0	1.0	0.7	1.7	
32	3671040881	36CCĐ3	ấ M i nh Ho ầ	02/01/1994				7.0	6.0	5.0	6.0	1.8	0.3	0.2	2.0	
33	3671040832	36CCĐ3	ấ ầ g Ng c Ho ầ ng	12/07/1994				6.0	7.0	6.0	6.3	1.9	3.5	2.5	4.4	
34	3671040657	36CCĐ3	L ê M i nh Ho ầ ng	16/12/1994				6.0	3.0	6.0	5.0	1.5	1.3	0.9	2.4	
35	3671041087	36CCĐ4	ấ ầ g Th ầ i Ho ầ	01/06/1994				7.0	5.0	5.0	5.7	1.7	2.0	1.4	3.1	
36	3671041990	36CCĐ3	N guy n ấ ầ nh Huy	06/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
37	3671042030	36CCĐ4	ấ Thanh H ầ ng	02/10/1994				8.0	2.0	5.0	5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
38	3671041024	36CCĐ3	T r n ấ ầ g H ầ ng	20/05/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 122017200102 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041457	36CCĐ4	Vi VÑh H ng	09/02/1989							0.0	0.0	0	0.0		N HP
40	3671041100	36CCĐ4	Nguy n ã c Kiên	14/02/1991							0.0	0.0	0	0.0		N HP
41	3671041079	36CCĐ4	Bç i Tu n Ki t	07/11/1994							0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	
42	3671041047	36CCĐ4	Nguy n Tr ng Kuu	22/04/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
43	3671040817	36CCĐ3	Huunnh An Khang	08/07/1994				8.0	4.0	8.0	6.7	2.0	5.8	4.1	6.1	
44	3671040694	36CCĐ3	Nguy n Tu n Khanh	22/12/1994				7.0	7.0	4.0	6.0	1.8	3.7	2.6	4.4	
45	3671041003	36CCĐ3	ñ o c Tu n Kh i	17/05/1994				7.0	2.0	3.0	4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
46	3671041460	36CCĐ4	Tr n ã c Khánh	10/05/1994				6.0	2.0	2.0	3.3	1.0	1.5	1.1	2.1	
47	3671041167	36CCĐ4	Tr nh Huunnh Qu c Khánh	02/09/1994							0.0	0.0	0	0.0		
48	3671041170	36CCĐ4	ñ ng Anh Khoa	09/03/1992							0.0	0.0	0	0.0		
49	3671041080	36CCĐ4	Nguy n VÑh Khoa	12/12/1994							0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	
50	3671041144	36CCĐ4	Nguy n VIO Linh	12/08/1994							0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	
51	3671040910	36CCĐ3	T ng VÑh Linh	10/09/1993				6.0	2.0	6.0	4.7	1.4	3.0	2.1	3.5	
52	3671041213	36CCĐ4	Ki u Phi Long	10/11/1994							0.0	0.0	4.5	3.2	3.2	
53	3671040975	36CCĐ3	Phan Th M nh	11/06/1993							0.0	0.0	0	0.0		
54	3671040934	36CCĐ3	D ng Thanh Minh	29/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		
55	3671041218	36CCĐ4	Tr n Kh ã nh Minh	31/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
56	3671040779	36CCĐ3	V½ VÑh M ng	29/09/1994				5.0	2.0	3.5	3.5	1.1	0.3	0.2	1.3	
57	3671041519	36CCĐ4	Tr n VÑh Nam	31/08/1994							0.0	0.0	0.8	0.6	0.6	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122017200102 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671040791	36CCĐ3	Nguy n V ã N g n	11/07/1994				7.0	8.0	7.0	7.3	2.2	5.8	4.1	6.3	N HP
59	3671041244	36CCĐ4	Nguy n V ã N g h	15/02/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
60	3671041209	36CCĐ4	B ù i Quang	20/07/1994							0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	
61	3671040999	36CCĐ3	H u n h Duy	10/02/1993				6.0	2.0	6.5	4.8	1.4	1.8	1.3	2.7	
62	3671041010	36CCĐ3	L ² Tr n Anh	05/05/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
63	3671040995	36CCĐ3	B ã i Tu n	10/05/1993				7.0	5.0	4.5	5.5	1.7	1.0	0.7	2.4	
64	3671042012	36CCĐ4	Ph m V ã N h	15/10/1993							0.0	0.0	1.8	1.3	1.3	
65	3671041073	36CCĐ4	L ² V ã N h	14/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		
66	3671041984	36CCĐ4	Ng» H u Thi ² n	04/12/1994							0.0	0.0	0.8	0.6	0.6	
67	3671041028	36CCĐ3	Nguy n ã ã h	01/05/1993				6.0	7.0	3.0	5.3	1.6	3.8	2.7	4.3	
68	3671040770	36CCĐ3	Nguy n ã c	28/02/1993				7.0	3.0	3.0	4.3	1.3	0.5	0.4	1.7	
69	3671041155	36CCĐ4	Nguy n Thanh	17/06/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
70	3671041053	36CCĐ4	Ngô Minh	25/02/1993							0.0	0.0	2.8	2.0	2.0	
71	3671041966	36CCĐ3	ñ ng Tr ng	14/09/1993				5.0	3.0	2.5	3.5	1.1	0.3	0.2	1.3	
72	3671041036	36CCĐ4	L ² Th	1994							0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	
73	3671040767	36CCĐ3	H u n h	17/03/1993				7.0	5.0	2.0	4.7	1.4	2.0	1.4	2.8	
74	3671040715	36CCĐ3	Phan V ã N h	11/06/1994				7.0	6.0	9.0	7.3	2.2	6.3	4.4	6.6	
75	3671040796	36CCĐ3	V ½ Tr ng	01/04/1994				5.0	2.0	5.0	4.0	1.2	0.8	0.6	1.8	
76	3671040884	36CCĐ3	Lê B ù i Duy	03/02/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122017200102 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3671041293	36CCĐ4	Lê Minh	Tân	26/07/1994							0.0	0.0	1.5	1.1	1.1	
78	3671041103	36CCĐ4	ấ ấ Thi ấ n	T n	05/08/1992				7.0	2.0	3.0	4.0	1.2	0.5	0.4	1.6	
79	3671042048	36CCĐ4	L ấ V ấ	Ti n	28/01/1993				5.0	7.0	5.0	5.7	1.7	2.8	2.0	3.7	
80	3671041533	36CCĐ4	Ng ấ V ấ	Ti p	06/02/1993				9.0	6.0	7.0	7.3	2.2	1.0	0.7	2.9	
81	3671041018	36CCĐ3	Ph m Ng c	T nh	20/01/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
82	3671040971	36CCĐ3	Hu nh Minh	Toàn	06/07/1992				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.8	4.1	6.1	
83	3671041208	36CCĐ4	Nguy n H ng	Toàn	26/11/1992							0.0	0.0	0	0.0		N HP
84	3671041192	36CCĐ4	Nguy n H u	Toàn	04/08/1993				7.0	4.0	6.0	5.7	1.7	4.3	3.0	4.7	
85	3671041106	36CCĐ4	Nguy n Tr ng	Toàn	17/01/1994				6.0	5.0	2.0	4.3	1.3	4.0	2.8	4.1	N HP
86	3671041983	36CCĐ3	Tr nh V ấ	Toàn	06/01/1994				6.0	6.0	1.0	4.3	1.3	0.5	0.4	1.7	
87	3671040683	36CCĐ3	Ph m Qui	Tông	04/10/1993				6.0	2.0	2.0	3.3	1.0	0.5	0.4	1.4	
88	3671041520	36CCĐ4	Châu Hoàng	Tu n	02/10/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
89	3671040773	36CCĐ3	ấ ấ C ấ ng	Tu n	24/08/1994				7.0	5.0	3.0	5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
90	3671040660	36CCĐ3	Hà Minh	Tu n	12/03/1993				6.0	4.0	7.0	5.7	1.7	5.0	3.5	5.2	
91	3671040746	36CCĐ3	Nguy n Anh	Tu n	20/08/1994				5.0	3.0	2.5	3.5	1.1	0.0	0.0	1.1	N HP
92	3671040684	36CCĐ3	Tr n	Tu n	02/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
93	3671041202	36CCĐ4	Phan S	Tú	28/02/1994				7.0	3.0	1.0	3.7	1.1	1.5	1.1	2.2	
94	3671041078	36CCĐ4	Nguy n V ấ	Túc	1994							0.0	0.0	0	0.0		
95	3671041171	36CCĐ4	VH L ấ C ấ ng	Thành	26/09/1993							0.0	0.0	0	0.0		

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ n h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122017200102 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
96	3671040113	36CCĐ3	L ² Th Ng c	Th o	01/10/1993				10.0	6.0	6.5	7.5	2.3	2.8	2.0	4.2	
97	3671041148	36CCĐ4	V ấ V ấ	Th ch	14/03/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
98	3671041180	36CCĐ4	L ² Chi n	Th ng	26/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		
99	3671042027	36CCĐ3	Phùng Minh	Th	10/08/1993							0.0	0.0	0	0.0		
100	3671040907	36CCĐ3	Hà Thanh	Th i	06/06/1993				6.0	2.0	4.0	4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	N HP
101	3671040757	36CCĐ3	Nguy n Huy	Tr ng	03/03/1994				6.0	5.0	3.0	4.7	1.4	0.0	0.0	1.4	
102	3671040745	36CCĐ3	Nguy n Kim	Tr ng	01/10/1994				6.0	4.0	7.0	5.7	1.7	8.5	6.0	7.7	
103	3671041139	36CCĐ4	Nguy n Th ấ	Tr ng	02/07/1994				6.0	4.0	3.0	4.3	1.3	1.5	1.1	2.4	
104	3671040658	36CCĐ3	Nguy n Tr n	V ấ	12/09/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
105	3571010184	36CCĐ3	Nguy n Th ấ i	V ấ	04/02/1992				9.0	7.0	7.0	7.7	2.3	3.8	2.7	5.0	
106	3671040950	36CCĐ3	Nguy n Anh	V i t	25/12/1993				6.0	3.0	3.0	4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
107	3671040890	36CCĐ3	Lê Xuân	Vinh	18/01/1993				7.0	4.0	3.0	4.7	1.4	0.8	0.6	2.0	
108	3671040743	36CCĐ3	Ph m V ấ	V ấ	23/05/1994				8.0	5.0	4.0	5.7	1.7	4.3	3.0	4.7	
109	3671041531	36CCĐ4	V ấ Th Ho ấ	Y n	09/07/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP

T ng s : 109 h c sinh sinh v i² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o V i² n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa